

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 14/01/2022

V/v: “Ly hôn; tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thanh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn;

2. Ông Nguyễn Việt Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hải Minh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Thùy – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 200/2021/TLST-HNGĐ ngày 12/10/2021 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 236/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 172/2021/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Hà Đình Đ, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1997.

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú hiện nay: Đài Loan (Trung Quốc).

3. *Người làm chứng:* Ông Nguyễn Thành L, sinh năm 1976, địa chỉ: Thôn Bì Đỏ, xã Cỏ Bì, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

Các đương sự và người làm chứng đều vắng mặt. (Anh Đ có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, anh Hà Đình Đ trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Q được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào ngày 14 tháng 10 năm 2014 tại UBND xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương. Sau khi chung sống với nhau được một thời gian thì năm 2015, anh Đ sang Đài Loan lao động. Sau đó, anh Đ nhờ bố mẹ đẻ vay mượn

tiền để lo cho chị Q sang Đài Loan làm ăn cùng anh Đ. Thời gian đầu sang Đài Loan lao động, vợ chồng không làm cùng công ty với nhau (cách nhau hơn 30km) nhưng vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc, hỏi thăm sức khỏe của nhau. Tuy nhiên, sau khoảng 01 năm sống xa nhau, vợ chồng ít gặp nhau hơn và bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Sau đó, chị Q đã chuyển nơi làm việc và cũng không cho anh Đ biết địa chỉ cụ thể. Đến đầu năm 2021, anh Đ trở về Việt Nam và có đến nói chuyện với bố mẹ chị Q để nhờ khuyên nhủ chị Q về nước để đoàn tụ gia đình và cùng nhau chăm sóc con, nhưng chị Q kiên quyết không về. Anh Đ xác định mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị Q.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh Đ, chị Q có 01 con chung là cháu Hà Đình Đ1 (sinh ngày 04/8/2014). Hiện nay, cháu Đ1 đang ở cùng với anh Đ. Khi ly hôn, anh Đ đề nghị Tòa án cho anh Đ được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị Q cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình: Anh Đ không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của ông Nguyễn Thành L là bố đẻ của chị Nguyễn Thị Q. Tại các biên bản lấy lời khai ngày 01/11/2021 và 27/11/2021, ông L trình bày: Chị Q và anh Đ được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào ngày 14 tháng 10 năm 2014 tại UBND xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương. Hiện nay, chị Q đang lao động tại Đài Loan. Chị Q đã được ông thông báo các nội dung văn bản tố tụng của Tòa án gửi. Sau khi được ông thông báo, chị Q thông tin lại và xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị Q nhất trí đồng ý ly hôn anh Đ. Do chị Q không cung cấp địa chỉ cụ thể ở Đài Loan và bản thân ông L cũng không nắm được nên ông không thể cung cấp cho Tòa án. Về con chung, chị Q và anh Đ có 01 con chung là cháu Hà Đình Đ1 (sinh ngày 04/8/2014). Khi ly hôn, để đảm bảo cuộc sống ổn định của con, chị Q đồng ý để anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng con chung.

Theo thông tin do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cung cấp tại Công văn số 25507/QLXNC-P5 ngày 28/10/2021 thể hiện: Chị Nguyễn Thị Q, sinh ngày 12/10/1997, có thông tin xuất cảnh ngày 18/12/2016 qua cửa khẩu Nội Bài bằng hộ chiếu số C2169561, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt (Anh Đ có đơn xin xét xử vắng mặt).

Quan điểm của đại diện VKSND tỉnh Hải Dương: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn cơ bản đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn của anh Đ và chị Q đã trầm

trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận xử cho anh Hà Đình Đ được ly hôn chị Nguyễn Thị Q; về con chung, giao cháu Hà Đình Đ1 cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Q không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về án phí: Anh Đ phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Hà Đình Đ có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với chị Nguyễn Thị Q có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Hải Dương và đang sinh sống tại Đài Loan. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 37, Điều 39, Điều 464 BLTTDS, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa, anh Đ vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Q vắng mặt lần thứ hai, căn cứ Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vụ án theo quy định. Tòa án xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ và chị Q được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào ngày 14 tháng 10 năm 2014 tại UBND xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương. Sau khi chung sống với nhau được một thời gian thì vợ chồng cùng sang Đài Loan làm ăn kinh tế. Thời gian đầu sang Đài Loan, vợ chồng không sống chung nhưng vẫn thường xuyên liên lạc, hỏi thăm sức khỏe của nhau. Tuy nhiên, sau một thời gian sống xa nhau, vợ chồng ít gặp nhau hơn và bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Chị Q thay đổi nơi làm việc và nơi ở nhưng không thông báo cho anh Đ biết. Từ đó, vợ chồng không liên lạc với nhau, không ai quan tâm đến ai. Đến đầu năm 2021, anh Đ trở về Việt Nam và nhờ bố mẹ chị Q khuyên nhủ chị Q về nước để vợ chồng đoàn tụ, tuy nhiên chị Q kiên quyết không về. HĐXX xét thấy, hôn nhân của anh Đ và chị Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mỗi người ở một nước khác nhau, không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho anh Đ ly hôn với chị Q là phù hợp quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ nuôi con chung: Vợ chồng anh Đ và chị Q có 01 con chung là cháu Hà Đình Đ1, sinh ngày 04/8/2014. Hiện nay cháu Đ1 đang ở cùng với anh

Đ và bố mẹ đẻ của anh Đ tại Xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương. Anh Đ đề nghị Tòa án cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị Q cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Xét thấy, việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung vừa là quyền vừa là nghĩa vụ của cha, mẹ. Bản thân anh Đ có chỗ ăn ở, có sức lao động nên đủ điều kiện nuôi con. Chị Q đang đi lao động ở nước ngoài, không có điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung cũng như phù hợp với thực tế nên giao con chung cho anh Đ nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Do anh Đ tự nguyện tạm thời chưa yêu cầu chị Q cấp dưỡng nên Tòa án không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con chung, sau này anh Đ có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Anh Đ và chị Q không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 464 và Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hà Đình Đ. Xử cho anh Hà Đình Đ ly hôn chị Nguyễn Thị Q.

2. Về con chung: Giao cho anh Hà Đình Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Hà Đình Đ1 (sinh ngày 04/8/2014) đến khi đủ 18 tuổi trưởng thành.

Chấp nhận sự tự nguyện của anh Đ không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Đ có quyền khởi kiện yêu cầu chị Q cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Chị Nguyễn Thị Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Hà Đình Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm dân sự (Hôn nhân và gia đình), đối trừ với 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, theo biên lai thu số AA/2020/0004262 ngày 12/10/2021. Anh Đ đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày; chị Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã V, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Lưu Tòa.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thanh Tuấn